### **THỊ TRƯỜNG VỐN**

### **1. Tiền thuê, lãi suất và giá tài sản**

Vốn hiện vật là các hàng hoá đã được sản xuất và được sử dụng để sản xuất ra các hàng hoá và dịch vụ khác có lợi hơn. Vốn hiện vật bao gồm máy móc thiết bị, nhà xưởng, nhà làm việc, kể cả những đồ dùng lâu bền, các nguyên nhiên vật liệu dự trữ cho quá trình hoạt động kinh doanh.

Ở đây, cần phân biệt tài sản cố định như công sở, nhà kho, thiết bị với các tài sản dự trữ cho quá trình sản xuất của các doanh nghiệp dưới dạng tồn kho, như các hàng hoá chờ bán, hàng hoá mới hoàn thành và dự trữ nguyên liệu. Sự phân biệt này rất quan trọng với việc tính khấu hao của các tài sản sử dụng lâu bền của doanh nghiệp theo thời gian. Tài sản cố định sẽ chuyển dần giá trị của nó vào sản phẩm. Cón các tài sản khác, như nguyên vật liệu thì chuyển toàn bộ giá trị của chúng vào sản phẩm khi kết thúc một quá trình sản xuất.

Vốn hiện vật cũng khác với vốn tài chính: vốn hiện vật là tài sản hữu hình, chúng là hàng hoá hiện vật có thể sờ thấy được. Của cải tài chính trong ngân hàng không phải là tài sản hữu hình nó chỉ là phương tiện để mua các yếu tố sản xuất, nhằm tạo ra hàng hoá và dịch vụ.

Vốn hiện vật và đất đai gộp lại tạo nên tài sản hữu hình của các doanh nghiệp. Lao động kết hợp với tài sản tạo nên sản phẩm cần thiết cho xã hội. Nếu kinh tế càng phát triển thì tạo ra được nhiều vốn và mỗi công nhân cũng có nhiều vốn hơn để làm việc. Mối quan hệ tỷ lệ giữa vốn so với sản phẩm sản xuất ra phản ảnh hiệu quả kinh tế về sử dụng vốn và tỷ lệ giữa vốn trên mỗi công nhân, phản ảnh phần nào về trình độ tiến bộ của quá trình sản xuất theo thời gian.

Trong thực tế, khó xác định được chính xác tổng số vốn của các doanh nghiệp ở các thời điểm , vì vốn hao mòn theo thời gian và những tiến bộ của kỹ thuật làm cho tài sản cũ thường kém năng suất và đắt hơn các tài sản mới. Để bù đắp sự hao mòn này, các doanh nghiệp phải có sự đầu tư thường xuyên, nhằm duy trì các hoạt động của các tài sản trong hiện tại và tương lai. Việc bù đắp được phải được tính toán trên cơ sở giá tài sản và mức độ sử dụng của các tài sản. Vì vốn hiện vật có thể mua, bán và cho thuê nên nó phải có giá.

Khi doanh nghiệp mua một lần vĩnh viễn một tài sản nào đó thì giá tài sản là tổng số tiền mà doanh nghiệp mua đứt tài sản đó. Nhờ vào sở hữu của mình, doanh nghiệp thu được quyền sử dụng các dịch vụ do vốn đó tạo ra. Chi phí sử dụng các dịch vụ vốn là tiền thuê các vốn hiện vật đó. Ví dụ, mua một chiếc ô-tô hay một khách sạn, sẽ đem lại cho chủ doanh nghiệp quyền sử dụng về tiền thuê dịch vụ giao thông hay tiền thuê khách sạn của khách hàng.

Giả sử chúng ta cho vay K đồng với lãi suất hàng năm là i, thì sau một năm lượng tiền của chúng ta tăng lên là K + iK = K(i + 1). Đến cuối năm thứ hai thì lượng tiền sẽ là K(i + 1)­2, cuối năm thứ ba là K(i + 1)3…Từ đẳng thức này ta thấy, nếu lãi suất cho vay 10% năm thì một đồng cho vay ngày hôm nay, sau một năm sẽ tích luỹ thành 1,21 đồng. Ta có thể biểu diễn lượng tiền thu được khi cho vay K đồng sau n năm với lãi suất i bằng biểu thức sau :

X = K (1 + i)n

### **2. Cầu của doanh nghiệp về vốn**

Cầu của doanh nghiệp về vốn phải dựa trên cơ sở cầu về dịch vụ vốn của doanh nghiệp đó. Tài sản tham gia vào quá trình kinh doanh cũng giống như yếu tố lao động, chủ doanh nghiệp cũng xem xét một giờ thêm của dịch vụ vốn sẽ mang lại thêm vào giá trị sản lượng của doanh nghiệp là bao nhiêu.

Theo quy luật lợi tức giảm dần, với bất kỳ yếu tố sản xuất nào khác như lao động, đất đai mà các doanh nghiệp sử dụng, thì sản phẩm giá trị biên của vốn MVPK sẽ giảm xuống khi lượng vốn tính trên đầu công nhân tăng. Đối với doanh nghiệp cạnh tranh thì sản lượng của hãng là cố định, nhưng sản phẩm hiện vật cận biên của vốn vẫn theo xu hướng giảm xuống và đường MVPK dốc xuống giống như sản phẩm hiện vật cận biên của yếu tố lao động. Đường MVPK là đường cầu về dịch vụ vốn của doanh nghiệp khi các yếu tố sản xuất khác không đổi. Dựa trên những hiệu quả mà dịch vụ vốn mang lại cho tổng doanh thu và chi phí bỏ ra cho nó, doanh nghiệp sẽ quyết định mức dịch vụ vốn cần thiết để tối đa hoá lợi nhuận.

Khi doanh nghiệp thuê thêm một giờ máy, doanh nghiệp phải chi ra một khoản tiền thuê là R, đồng thời sẽ tạo ra thêm một lượng sản phẩm (MPK). Tổng doanh thu tăng thêm của doanh nghiệp trong trường hợp này được gọi là doanh thu sản phẩm biên, ký hiệu là MRPK.

Giống như khi chúng ta phân tích về lao động, nếu mục tiêu của doanh nghiệp là tối đa hoá lợi nhuận thì doanh nghiệp chỉ thuê thêm giờ máy khi và chỉ khi doanh thu sản phẩm biên (MRPK) còn lớn hơn chi phí thuê thêm một giờ máy (R). Do đó, mức dịch vụ vốn là số giờ máy chẳng hạn, có sức tối đa hoá lợi nhuận khi:

R

R0

0

MRPK = R

 MRPK

K0 K

**Hình 9.6 Đường cầu của doanh nghiệp về vốn**

Đường doanh thu sản phẩm biên của dịch vụ vốn (MRPK) cho thấy mức dịch chuyển vốn mà doanh nghiệp sẽ thuê tương ứng với các mức tiền thuê trên thị trường, nên nó chính là đường cầu về dịch vụ vốn (DK). Đồ thị dưới cho thấy doanh nghiệp sẽ có nhu cầu K0 đơn vị dịch vụ vốn tại mức tiền thuê R0.

Đường cầu về dịch vụ vốn (DK) dốc xuống về phía phải do quy luật năng suất biên giảm dần. Đường cầu về dịch vụ vốn có thể dịch chuyển do sự thay đổi của các yếu tố sau:

Giá sản phẩm của doanh nghiệp: sự tăng giá của sản phẩm doanh nghiệp làm cho sản phẩm biên của vốn có giá trị cao hơn, đường MRPK dịch chuyển sang phải.

Mức sử dụng các yếu tố đầu vào khác (chủ yếu là lao động): sự gia tăng số lượng lao động mà vốn kết hợp để sản xuất ra sản phẩm làm tăng sản phẩm biên của vốn, làm cho đường MRPK dịch chuyển sang phải.

Tiến bộ khoa học kỹ thuật làm tăng năng suất của vốn hiện vật đối với bất cứ lượng đầu vào khác cho trước.